

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP CONSTREXIM SỐ 8
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 29

10126
CÔNG
TỊCH NH
EM TOÁN
VIỆ
GIÁ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Đức Tiến	Chủ tịch
Ông Vũ Duy Hậu	Ủy viên
Ông Hoàng Biên Cương	Ủy viên
Ông Ngô Bá Mận	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Dung	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Duy Hậu	Giám đốc
Ông Hoàng Biên Cương	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8
Địa chỉ: Tòa nhà Constrexim, đường Nguyễn Trãi, C7, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
đính kèm Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8



Vũ Duy Hậu
Giám đốc
Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2016





Số: 474 -16/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21/07/2016, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trần Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2013-034-1



Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.651.899.059	76.700.331.989
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	14.588.426.595	14.627.503.096
1 Tiền	111		3.788.426.595	14.627.503.096
2 Các khoản tương đương tiền	112		10.800.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.289.023.267	50.862.735.938
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	30.405.646.210	30.367.692.392
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	-	33.000.000
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	32.883.377.057	20.462.043.546
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	12.681.182.179	11.210.092.955
1 Hàng tồn kho	141		12.681.182.179	11.210.092.955
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		93.267.018	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		93.267.018	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.668.641.043	13.021.375.366
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.000.000.000	1.000.000.000
6 Phải thu dài hạn khác	216	V.05	1.000.000.000	1.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.838.437.044	1.965.925.436
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	1.838.437.044	1.965.925.436
- Nguyên giá	222		3.537.786.188	3.537.786.188
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.699.349.144)	(1.571.860.752)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	600.000.000	600.000.000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		600.000.000	600.000.000
3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.230.203.999	9.455.449.930
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	9.230.203.999	9.455.449.930
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		103.320.540.102	89.721.707.355

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		78.315.207.746	64.058.904.432
I. Nợ ngắn hạn	310		75.424.940.799	60.931.712.357
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	258.954.345	308.965.345
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	31.599.178.000	9.714.168.000
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	37.828.414	613.616.801
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	42.990.143.045	49.862.333.989
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		538.836.995	432.628.222
II. Nợ dài hạn	330		2.890.266.947	3.127.192.075
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.13	1.772.106.947	2.009.032.075
7 Phải trả dài hạn khác	337	V.12	1.118.160.000	1.118.160.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25.005.332.356	25.662.802.923
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	25.005.332.356	25.662.802.923
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.568.000.000	19.568.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.568.000.000	19.568.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		1.937.223.600	1.937.223.600
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		921.520.000	921.520.000
5 Cổ phiếu quỹ	415		(921.520.000)	(921.520.000)
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		2.924.531.326	2.844.592.144
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		575.577.430	1.312.987.179
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		313.747.406	313.747.406
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		261.830.024	999.239.773
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		103.320.540.102	89.721.707.355

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập

Kế toán trưởng





Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	46.455.192.306	39.970.738.608
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		46.455.192.306	39.970.738.608
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	44.804.417.622	37.961.752.083
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		1.650.774.684	2.008.986.525
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	163.089.050	123.138.969
7 Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	1.492.526.921	1.401.325.220
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		321.336.813	730.800.274
11 Thu nhập khác	31		-	-
12 Chi phí khác	32	VI.4	48.921.245	193.666.262
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(48.921.245)	(193.666.262)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		272.415.568	537.134.012
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	64.267.362	160.776.060
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		208.148.206	376.357.952
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	117,23	212

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Việt Hoa



Nguyễn Thị Thu Hoài



Vũ Duy Hậu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

<Theo phương pháp trực tiếp>


Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I	Lưu chuyển tiền từ kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01		72.223.395.926	53.819.122.972
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(911.325.976)	(1.701.073.605)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(962.186.768)	(899.076.266)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(112.741.133)	(479.715.181)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.831.651.975	6.711.288.355
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(80.031.538.957)	(67.977.266.368)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.037.255.067	(10.526.720.093)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(989.916.364)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		118.705.488	33.878.695
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		118.705.488	(956.037.669)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	200.000.000
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(200.000.000)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.195.037.056)	(548.535.120)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.195.037.056)	(548.535.120)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(39.076.501)	(12.031.292.882)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14.627.503.096	12.424.014.096
	Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	14.588.426.595	392.721.214

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập

 Nguyễn Thị Việt Hoa

Kế toán trưởng

 Nguyễn Thị Thu Hoài

Giám đốc

 Vũ Duy Hậu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2261/QĐ-BXD ngày 8/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 01001850677 đăng ký lần đầu ngày 21/12/2005 và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 4 ngày 11/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 ngày 11/06/2015, thì vốn điều lệ của Công ty là: **19.568.000.000 đồng** (Bằng chữ: Mười chín tỷ, năm trăm sáu mươi tám triệu đồng chẵn).

Hiện tại, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CX8.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng, đường dây và trạm biến thế điện, công trình cơ điện lạnh; Hoạt động thiết kế chuyên dụng, chi tiết: trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: đầu tư kinh doanh nhà, cho thuê bất động sản; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, cho thuê văn phòng và nhà ở; kinh doanh các dịch vụ các khu nhà chung cư cao tầng và văn phòng;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, chi tiết: Dịch vụ môi giới, tư vấn bất động sản; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Tư vấn xây dựng, kiểm định các công trình xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Kinh doanh cấu kiện bê tông, kinh doanh vật liệu xây dựng; Vận tải hành khách đường bộ khác, chi tiết: kinh doanh vận chuyển hành khách;
- Vận tải hàng hóa đường bộ, chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: kinh doanh thương mại vật tư, máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, hàng hóa; Hoạt động tư vấn quản lý: quản lý, khai thác, vận hành các dịch vụ các khu nhà chung cư cao tầng và văn phòng;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai khoáng chưa được phân vào đâu, chi tiết: khai thác khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm)/.

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tòa nhà Constrexim, đường Nguyễn Trãi, C7, Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Tại thời điểm 30/06/2016, Công ty không có khoản công nợ khó đòi nào cần phải trích lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính tại thời điểm báo cáo, trừ đi các chi phí ước tính để đưa hàng tồn kho về trạng thái sẵn sàng bán.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 30/06/2016, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25
- Máy móc thiết bị	06 - 08
- Phương tiện vận tải	06 - 08

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong một số các bên tham gia.

Khoản hợp tác kinh doanh của Công ty là khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 21/HĐHTKD ngày 31/03/2008 giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đạt, theo đó 2 bên sẽ hợp tác để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cửa nhựa PVC lõi thép gia cường theo công nghệ Châu Âu, trên mỗi sản phẩm đều được in tên của 2 doanh nghiệp. Hợp đồng được thực hiện trong vòng 5 năm, và được gia hạn đến ngày 31/03/2016 theo phục lục hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 01/04/2015. Sau mỗi một năm, kể từ ngày chuyển tiền cho Công ty Cổ phần An Đạt, Công ty sẽ được thanh toán số lãi tương ứng với lãi suất 18%/năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định, lợi thế kinh doanh và giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng.

Lợi thế kinh doanh là giá trị thương hiệu Constrexim có thời gian phân bổ trong vòng 10 năm.

Chi phí thuê hoạt động tài sản cố định được ghi nhận căn cứ vào số tiền trả trước trong nhiều kỳ kế toán và

0222
ĐANG
NHIỆM
DÂN VÀ
ỆT N
IẤY -

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhập thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty với công ty liên kết.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Công ty không có các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản nhận trước tiền thuê nhà, được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng và số tiền khách hàng đã trả trong nhiều kỳ kế toán. Việc phân bổ từng tháng căn cứ vào số tiền cho thuê từng tháng được quy định trong hợp đồng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc phân phối lợi nhuận, cổ tức: Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 102/NQ-2016/CX8-ĐHĐCĐ ngày 21/05/2016.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu hoạt động vận tải, dịch vụ cho thuê nhà, thu tiền điện, tiền nước

g.e.
TY
HỮU H
ĐINH C
AM
TP. Y

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động xây lắp được công ty ghi nhận phù hợp với tỷ lệ giao khoán trong hợp đồng của từng công trình cho các đội thi công.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

14.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành. Công ty đang áp dụng mức thuế GTGT 10% đối với hoạt động xây lắp, dịch vụ cho thuê nhà, thu tiền điện và 5% đối với hoạt động thu tiền nước.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền	3.788.426.595	14.627.503.096
<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	<i>400.007.340</i>	<i>7.598.208</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>3.388.419.255</i>	<i>14.619.904.888</i>
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	1.827.355	291.973.488
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	29.471.908	29.407.123
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	2.687.528.597	14.290.342.869
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân	960.681	1.180.681
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long	668.630.714	7.000.727
Các khoản tương đương tiền	10.800.000.000	-
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng (*)	10.800.000.000	-
Cộng	14.588.426.595	14.627.503.096

(*) Công ty thực hiện cầm cố tiền gửi theo hợp đồng số 01/459/2016/HĐBĐ ngày 10/05/2016 và hợp đồng số 02/2016/459/HĐBĐ ngày 11/05/2016 với tổng giá trị 800.000.000 đồng nhằm bảo đảm nghĩa vụ với tất cả các hợp đồng tín dụng và/ hoặc hợp đồng cấp bảo lãnh trong khoảng thời gian kể từ ngày 29/04/2015 đến ngày 29/04/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

ác khoản đầu tư tài chính

	30/06/2016	01/01/2016			
	VND	VND			
	Giá gốc	Dự phòng			
	Giá trị hợp lý	Giá gốc			
	Dự phòng	Giá trị hợp lý			
		Dự phòng			
		Giá trị hợp lý			
ầu tư vào công ty liên kết liên doanh	600.000.000	-	600.000.000	-	600.000.000
ông ty CP Đầu tư và XL Constrexim số 8.2	600.000.000	-	600.000.000	-	600.000.000
ộng	600.000.000	-	600.000.000	-	600.000.000

5/2
 CỎ
 CH
 4 TO
 VI
 3/

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***3. Phải thu khách hàng**

	30/06/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Tổng Công ty CP Đầu tư Xây dựng và TM Việt Nam	6.956.562.966	-	7.117.427.256	-
Trại giam Thanh Xuân - Cục V 26	566.149.947	-	566.149.947	-
Trường Đại học Sư phạm KT Hưng Yên	-	-	681.010.079	-
Trường Đại học Tây Bắc	1.490.759.480	-	1.490.759.480	-
BQLDA Vườn hoa quảng trường thị xã Phúc Yên - Vĩnh Phúc	1.529.910.000	-	1.529.910.000	-
UBND Phường Yên Sở - Hoàng Mai - HN	176.771.343	-	62.826.654	-
UBND phường Vĩnh Hưng	255.914.000	-	255.914.000	-
Công ty CP Xây lắp điện 1	208.219.586	-	208.219.586	-
Công ty CP thương mại và Xây dựng công nghệ xanh	430.021.289	-	430.021.289	-
Phòng kinh tế Quận Hoàng Mai	5.775.590.000	-	2.026.080.000	-
Công ty CP 16 - Ciencol	4.135.483.627	-	-	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Trung Việt	539.635.193	-	1.930.249.193	-
Sư đoàn 367/Quân chủng phòng không - không quân	1.476.243.000	-	2.579.446.000	-
Ban quản lý dự án quận Hoàng Mai	1.446.123.275	-	6.279.753.215	-
Các đối tượng khác	5.418.262.504	-	5.209.925.693	-
Cộng	30.405.646.210	-	30.367.692.392	-

*b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết tại thuyết minh số VIII.2***4. Trả trước cho người bán**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH Kiểm toán, và Định giá Việt Nam	-	33.000.000
Cộng	-	33.000.000

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

5. Các khoản phải thu khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	32.883.377.057	-	20.462.043.546	-
<i>Phải thu khác (1)</i>	32.866.417.057	-	20.445.083.546	-
Ban quản lý nhà C7 Thanh Xuân	3.661.693.414	-	2.909.618.824	-
Xí nghiệp Xây lắp tổng hợp số 6	1.589.248.467	-	1.548.248.467	-
Xí nghiệp Xây lắp số 8	2.117.564.424	-	2.295.985.168	-
Xí nghiệp Xây lắp tổng hợp số 9	11.046.272.359	-	964.629.603	-
Đội Quản lý cơ giới và Hạ tầng - Constrexim 8	2.921.512.480	-	1.504.344.977	-
Đội Xây lắp tổng hợp số 3	2.905.768.938	-	2.905.768.938	-
Đội Xây lắp tổng hợp số 4 - Chi nhánh 8.2	4.701.531.496	-	4.701.531.496	-
Các đối tượng khác	3.922.825.479	-	3.614.956.073	-
<i>Tạm ứng</i>	16.960.000	-	16.960.000	-
Phí Thành Tuyển	6.000.000	-	6.000.000	-
Nguyễn Thị Thanh Huyền	4.080.000	-	4.080.000	-
Nguyễn Hà Phương	3.880.000	-	3.880.000	-
Trần Thị Hải Ninh	3.000.000	-	3.000.000	-
b) Dài hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty CP An Đạt (2)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-

(1): Khoản phải thu của các xí nghiệp, các đội là khoản Công ty trả tiền mua vật tư, nguyên liệu thay cho các đội và xí nghiệp, sau khi hạng mục hoàn thành, chứng từ của các đội chuyển về, công ty sẽ thực hiện căn trừ phải thu khác với phải trả khác của các đội, xí nghiệp.

(2): Là khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 21/HĐHTKD ngày 31/03/2008 giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đạt, theo đó 2 bên sẽ hợp tác để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cửa nhựa PVC lõi thép gia cường theo công nghệ Châu Âu, trên mỗi sản phẩm đều được in tên của 2 doanh nghiệp. Hợp đồng được thực hiện trong vòng 5 năm, và được gia hạn đến ngày 31/03/2017 theo phụ lục Hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 01/04/2016. Sau mỗi một năm, kể từ ngày Công ty chuyển tiền cho Công ty Cổ phần An Đạt, Công ty sẽ được thanh toán số lãi tương ứng với lãi suất 18%/năm.

C.T.T.
HẠN
H GIÁ
A
HÀ NỘI

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

6. Hàng tồn kho

	30/06/2016 VND		01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	12.681.182.179	-	11.210.092.955	-
Cộng	12.681.182.179	-	11.210.092.955	-

(*): Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty là chi phí dở dang của các công trình Trung tâm văn hóa - thể dục thể thao quận Hoàng Mai, công trình Trường THCS Nam Sơn...

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2016	1.418.827.242	581.048.908	1.537.910.038	3.537.786.188
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2016	1.418.827.242	581.048.908	1.537.910.038	3.537.786.188
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2016	471.242.563	470.131.486	630.486.703	1.571.860.752
Khấu hao trong kỳ	28.376.545	28.403.535	70.708.312	127.488.392
Số dư ngày 30/06/2016	499.619.108	498.535.021	701.195.015	1.699.349.144
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2016	947.584.679	110.917.422	907.423.335	1.965.925.436
Tại ngày 30/06/2016	919.208.134	82.513.887	836.715.023	1.838.437.044

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2016: 940.342.582 VND.

8. Chi phí trả trước

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Dài hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	5.705.335.956	5.878.224.924
Lợi thế kinh doanh chờ phân bổ	782.720.000	831.640.000
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	5.476.890
Chi phí sửa chữa TSCĐ	1.678.252.852	1.901.721.544
Chi phí khác	1.063.895.191	838.386.572
Cộng	9.230.203.999	9.455.449.930

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

9. Phải trả người bán

	30/06/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty CPĐT&XL Constrexim số 8.2	258.954.345	258.954.345	308.965.345	308.965.345
Cộng	258.954.345	258.954.345	308.965.345	308.965.345

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: chi tiết tại thuyết minh số VIII.2

10. Người mua trả tiền trước

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Ban Quản lý huyện Sóc Sơn	711.420.000	3.645.811.000
Tông Quang Thành	50.000.000	50.000.000
Công ty CP 16 - Cienco 1	-	1.235.564.000
Báo lao động	3.463.363.000	-
Ban Quản lý Dự án Quận Thanh Xuân	22.507.182.000	-
Trung tâm Phát triển quỹ đất và QL duy tu hạ tầng Quận Hoàng Mai	4.751.213.000	4.751.213.000
Các đối tượng khác	116.000.000	31.580.000
Cộng	31.599.178.000	9.714.168.000

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đơn vị tính: VND		
	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ
<i>Phải nộp</i>			
Thuế GTGT	527.231.560	722.315.795	1.249.547.355
Thuế thu nhập doanh nghiệp	86.048.149	64.267.362	112.741.133
Các loại thuế khác	38.453	1.501.816	1.286.233
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	298.639	3.000.000	3.298.639
Cộng	613.616.801	791.084.973	1.366.873.360

12. Phải trả khác

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Phải trả, phải nộp khác (*)	41.195.041.056	48.476.176.010
<i>Công trình thuộc Công ty quản lý</i>	<i>1.232.609.748</i>	<i>1.791.794.644</i>
<i>Ban quản lý nhà C7 Thanh Xuân</i>	<i>51.044.876</i>	<i>15.417.584</i>
<i>Xí nghiệp xây lắp số 1</i>	<i>190.301.668</i>	<i>190.301.668</i>
<i>Xí nghiệp xây lắp số 2</i>	<i>594.756.365</i>	<i>605.390.387</i>
<i>Xí nghiệp xây lắp số 4</i>	<i>412.997.878</i>	<i>412.997.878</i>
<i>Xí nghiệp xây lắp số 8</i>	<i>1.803.994.952</i>	<i>1.563.165.200</i>
<i>Xí nghiệp Xây lắp tổng hợp số 9</i>	<i>11.715.883.869</i>	<i>10.650.299.952</i>
<i>Đội Quản lý cơ giới và Hạ tầng - Constrexim 8</i>	<i>18.181.031.733</i>	<i>25.644.747.924</i>
<i>Đội Xây lắp tổng hợp số 1</i>	<i>3.591.030.755</i>	<i>3.631.333.505</i>
<i>Đội Xây lắp tổng hợp số 5 - CN8.2</i>	<i>620.499.886</i>	<i>620.499.886</i>
<i>Đội xây lắp tổng hợp số 8 - Constrexim8</i>	<i>1.970.419.556</i>	<i>2.070.430.556</i>
<i>Các loại thuế TNCN, cổ tức phải trả</i>	<i>830.469.770</i>	<i>1.279.796.826</i>
Dư có phải thu khác	1.310.300.199	709.169.893
Dư có tạm ứng	-	100.000
b) Dài hạn	1.118.160.000	1.118.160.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.118.160.000	1.118.160.000
<i>Công ty Liên doanh TNHH KFC Việt Nam</i>	<i>877.160.000</i>	<i>877.160.000</i>
<i>Công ty CP Bê tông VIDIFI</i>	<i>30.000.000</i>	<i>30.000.000</i>
<i>Trần Văn Bao</i>	<i>153.000.000</i>	<i>153.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Trang trí BAC</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
<i>Công ty CP Y tế Quang Minh</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
<i>Công ty CP 121 Biz Quốc Tế</i>	<i>18.000.000</i>	<i>18.000.000</i>
Cộng	44.108.303.045	50.980.493.989

(*) Phải trả, phải nộp khác cho các xí nghiệp, các đội thể hiện chi phí và thuế đầu vào các hạng mục công trình của các đội và xí nghiệp chuyển về cho Công ty, sau khi hạng mục hoàn thành, công ty sẽ thực hiện cần trừ phải thu khác và phải trả khác của các đội, xí nghiệp.

13. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dài hạn		
Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng	1.772.106.947	2.009.032.075
Cộng	1.772.106.947	2.009.032.075

022
 NG
 HIỆM
 N VÀ
 TN
 1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Địa chỉ: Tòa nhà Constrexim, đường Nguyễn Trãi, C7, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016
đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4. Vốn chủ sở hữu

4.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư ngày 01/01/2015	19.568.000.000	1.937.223.600	(921.520.000)	921.520.000	1.493.506.380	22.998.729.980	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	999.239.773	999.239.773	
Tăng khác (*)	-	-	-	-	87.148.800	87.148.800	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(905.505.000)	(905.505.000)	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(261.284.879)	(261.284.879)	
Giảm khác (**)	-	-	-	-	(100.117.895)	(100.117.895)	
Số dư ngày 31/12/2015	19.568.000.000	1.937.223.600	(921.520.000)	921.520.000	1.312.987.179	22.818.210.779	
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	208.148.206	208.148.206	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(199.847.955)	(199.847.955)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(745.710.000)	(745.710.000)	
Số dư ngày 30/06/2016	19.568.000.000	1.937.223.600	(921.520.000)	921.520.000	575.577.430	22.080.801.030	

(*) Tăng lợi nhuận chưa phân phối từ việc giảm cổ tức phải trả, do năm 2011 đã hạch toán phải trả cổ tức cho cả 181.300 cổ phiếu quỹ.

(**) Giảm khác theo quyết định thanh tra thuế năm 2014.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	19.568.000.000	19.568.000.000
Cộng	19.568.000.000	19.568.000.000

14.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	19.568.000.000	19.568.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	19.568.000.000	19.568.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.195.037.056	548.535.120

14.4 Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	1.956.800	1.956.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.956.800	1.956.800
- Cổ phiếu phổ thông	1.956.800	1.956.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	181.300	181.300
- Cổ phiếu phổ thông	181.300	181.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.775.500	1.775.500
- Cổ phiếu phổ thông	1.775.500	1.775.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

14.5 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

14.6 Các quỹ của doanh nghiệp

	Đơn vị tính: VND			
Khoản mục	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	30/06/2016
Quỹ đầu tư phát triển	2.844.592.144	79.939.182	-	2.924.531.326

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

(*) Mục đích trích lập quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu hoạt động xây lắp	44.621.746.530	38.099.743.396
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.833.445.776	1.870.995.212
Cộng	46.455.192.306	39.970.738.608

b) Doanh thu với các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

2. Giá vốn bán hàng

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	43.746.985.735	36.866.489.286
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.057.431.887	1.095.262.797
Cộng	44.804.417.622	37.961.752.083

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	74.321.926	14.652.393
Cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi góp vốn	88.767.124	108.486.576
Cộng	163.089.050	123.138.969

4. Chi phí khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí từ phạt vi phạm lĩnh vực thuế	-	144.746.262
Chi phí thương hiệu	48.920.000	48.920.000
Chi phí khác	1.245	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	1.100.264.940	1.032.669.939
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	83.916.936	51.286.252
Chi phí khấu hao TSCĐ	85.874.176	31.200.582
Thuế, phí, lệ phí	7.007.100	7.900.897
Chi phí dịch vụ mua ngoài	186.461.269	255.789.550
Chi phí bằng tiền khác	29.002.500	22.478.000
Cộng	1.492.526.921	1.401.325.220

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	27.878.972.490
Chi phí nhân công	9.121.377.592
Chi phí sử dụng máy thi công	5.338.318.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định	127.488.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.811.585.263
Chi phí khác bằng tiền	528.194.832
Cộng	44.805.936.790

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	46.618.281.356	40.093.877.577
Tổng chi phí phát sinh trong năm	46.345.865.788	39.556.743.565
Chi phí không được trừ	48.921.244	193.666.262
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	46.296.944.544	39.363.077.303
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	321.336.812	730.800.274
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	64.267.362	160.776.060

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	208.148.206	376.357.952
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.775.500	1.775.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	117,23	212

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Từ 01/01/2016
 đến 30/06/2016
VND

Cổ tức, lợi nhuận được chia chưa thu được tiền 44.383.562

2. Các khoản tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

Trong kỳ, Công ty thực hiện cầm cố tiền gửi theo hợp đồng số 01/459/2016/HĐBĐ ngày 10/05/2016 và hợp đồng số 02/2016/459/HĐBĐ ngày 11/05/2016 với tổng giá trị 800.000.000 đồng.

VIII Những thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty CP Đầu tư xây dựng & Thương mại Việt Nam
 Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8.2
 Công ty CP An Đạt

Mối quan hệ

Cổ đông
 Công ty liên kết
 Bên hợp tác kinh doanh

**) Trong năm, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan*

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<i>Doanh thu tài chính</i>	<i>88.767.124</i>	<i>108.486.576</i>
Công ty CP An Đạt	88.767.124	108.486.576

222
 G T
 M H
 VÀ Đ
 NA
 TT

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

***) Số dư các bên liên quan**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng	7.000.946.528	7.251.564.242
Tổng Công ty CP Đầu tư xây dựng & Thương mại Việt Nam	6.956.562.966	7.117.427.256
Công ty CP An Đạt	44.383.562	134.136.986
Phải trả người bán	258.954.345	308.965.345
Công ty CP Đầu tư & Xây lắp Constrexim số 8.2	258.954.345	308.965.345
Thu nhập Ban Giám đốc		
	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
	VND	VND
Thu nhập Ban Giám đốc	208.426.250	179.861.128
Cộng	208.426.250	179.861.128

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.I.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.588.426.595	14.627.503.096
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.289.023.267	51.829.735.938
Các khoản đầu tư tài chính	-	-
Tổng cộng	78.877.449.862	66.457.239.034
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	44.367.257.390	51.289.459.334

3-C
 Y
 TỬ H
 NH G
 M
 H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2016 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc các đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà có thể cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	50.171.299.334	1.118.160.000	51.289.459.334

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.588.426.595	-	14.588.426.595
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.289.023.267	1.000.000.000	64.289.023.267

01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.627.503.096	-	14.627.503.096
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.829.735.938	1.000.000.000	51.829.735.938

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập



Nguyễn Thị Việt Hoa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài

Giám đốc



Vũ Duy Hậu